

Số: 79 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH2;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về quản lý ngoại hối đối với việc:

a) Cho vay và thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ cho vay đối với khách hàng là người không cư trú (sau đây gọi là cho vay ra nước ngoài);

b) Thu hồi nợ nước ngoài phát sinh từ các nghiệp vụ cấp tín dụng cho người không cư trú của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là thu hồi nợ nước ngoài).

2. Các nội dung liên quan đến việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được quy định tại Thông tư này thì áp dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các nghiệp vụ cho vay, bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác cho khách hàng là người không cư trú.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bên cho vay ra nước ngoài* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nghiệp vụ cho vay đối với khách hàng là người không cư trú (sau đây gọi là bên cho vay).

2. *Khoản cho vay ra nước ngoài* là khoản cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được hình thành từ nghiệp vụ cho vay đối với khách hàng là người không cư trú quy định tại Thông tư này.

3. *Bên thu hồi nợ nước ngoài* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc thu hồi nợ nước ngoài (sau đây gọi là bên thu hồi nợ).

4. *Khoản thu hồi nợ nước ngoài* là khoản nợ hình thành từ việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác cho khách hàng là người không cư trú.

5. *Đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài* là việc bên cho vay thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) về khoản cho vay ra nước ngoài hoặc các thay đổi đối với khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

6. *Xác nhận đăng ký* là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc bên cho vay đã thực hiện đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

7. *Xác nhận đăng ký thay đổi* là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc bên cho vay đã thực hiện đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

8. *Thỏa thuận cho vay* là một hoặc tập hợp một số văn bản (bao gồm cả thỏa thuận dưới hình thức thông điệp dữ liệu tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử) ghi nhận thỏa thuận giữa các bên, trong đó quy định các điều khoản và điều kiện của khoản cho vay ra nước ngoài về mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số tiền cho vay, lãi suất, thời hạn, kỳ hạn trả nợ, nội dung về bảo đảm khoản vay, phương thức trả nợ và những cam kết có liên quan khác.

9. *Thỏa thuận cho vay thay đổi* là văn bản (bao gồm cả thỏa thuận dưới hình thức thông điệp dữ liệu tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử) ghi nhận thỏa thuận giữa các bên về nội dung sửa đổi, bổ sung thỏa thuận cho vay đã ký.

10. *Tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài* là tài khoản thanh toán của bên cho vay, bên thu hồi nợ sử dụng để thực hiện giải ngân, thu hồi nợ nước ngoài trong hoạt động cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

11. *Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản* là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản nơi bên cho vay, bên thu hồi nợ mở tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài để thực hiện giải ngân, thu hồi nợ nước ngoài và các giao dịch chuyển tiền khác liên quan đến hoạt động cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài.

Điều 4. Quy định về quản lý ngoại hối khi mua, bán khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài

1. Trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài được mua, bán theo quy định của pháp luật với 01 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác thì tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài tiếp tục thực hiện trách nhiệm của bên cho vay, bên thu hồi nợ theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài được mua, bán theo quy định của pháp luật cho từ 02 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác trở lên:

a) Các tổ chức cùng kế thừa quyền và nghĩa vụ có thể ủy quyền hoặc chỉ định bằng văn bản cho một tổ chức thực hiện trách nhiệm của bên cho vay, bên thu hồi nợ theo quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp không thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, mỗi tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ phải thực hiện trách nhiệm

của bên cho vay, bên thu hồi nợ theo quy định tại Thông tư này đối với phần kế thừa từ khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài

1. Bên cho vay có quyền tự chủ trong việc cho vay ra nước ngoài, tự chịu rủi ro về pháp lý, tài chính trong việc ký kết và thực hiện thỏa thuận cho vay ra nước ngoài. Khi thực hiện cho vay ra nước ngoài, bên cho vay phải tuân thủ các nội dung quy định tại Thông tư này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bên thu hồi nợ không phải đăng ký các khoản thu hồi nợ nước ngoài. Trong quá trình thu hồi nợ nước ngoài, bên thu hồi nợ phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về các nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Các hình thức thu hồi nợ nước ngoài

Việc thu hồi nợ nước ngoài của bên cho vay, bên thu hồi nợ được thực hiện thông qua các hình thức sau:

1. Thu hồi nợ trực tiếp từ bên có nghĩa vụ trả nợ chuyển khoản cho bên cho vay, bên thu hồi nợ theo quy định của pháp luật có liên quan và thỏa thuận của các bên.

2. Thu hồi nợ của khoản cho vay ra nước ngoài từ bên thứ ba là người không cư trú chuyển khoản cho bên cho vay, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

Việc thu hồi nợ từ bên thứ ba là người không cư trú phải được quy định rõ trong thỏa thuận cho vay hoặc thỏa thuận cho vay thay đổi và được xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (nếu khoản cho vay ra nước ngoài thuộc đối tượng phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước).

3. Thu hồi nợ thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm.

4. Thu hồi nợ thông qua việc bên bảo lãnh trả thay cho bên có nghĩa vụ trả nợ. Bên bảo lãnh là người cư trú phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối khi thực hiện bảo lãnh cho người không cư trú.

Điều 7. Tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài

1. Bên cho vay, bên thu hồi nợ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thực hiện cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài không bắt buộc phải mở tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại một ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Việt Nam song phải bảo đảm theo dõi đầy đủ giao dịch giải ngân cho vay, thu hồi nợ nước ngoài (gốc, lãi và các loại phí) của từng khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài.

2. Bên cho vay, bên thu hồi nợ không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Việt Nam để thực hiện giải ngân cho vay, thu hồi nợ nước ngoài (gốc, lãi và các loại phí) theo nguyên tắc sau:

a) Mỗi khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài chỉ được thực hiện thông qua 01 (một) ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Bên cho vay, bên thu hồi nợ có thể dùng 01 (một) tài khoản quy định tại khoản này cho 01 hoặc nhiều khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài;

b) Trường hợp đồng tiền thu hồi nợ khác với đồng tiền giải ngân, bên cho vay, bên thu hồi nợ có thể mở và sử dụng tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài khác nếu bảo đảm nguyên tắc quy định tại điểm a khoản này;

c) Bên cho vay, bên thu hồi nợ có trách nhiệm ghi rõ và đề nghị bên có nghĩa vụ trả nợ, các bên liên quan ghi rõ mục đích chuyển tiền liên quan đến khoản cho vay, khoản thu hồi nợ (trong đó ghi rõ khoản thu hồi nợ phát sinh từ nghiệp vụ bảo lãnh, bao thanh toán, thư tín dụng hoặc các nghiệp vụ cấp tín dụng khác).

3. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Việt Nam nơi bên cho vay, bên thu hồi nợ mở tài khoản thanh toán để giải ngân, thu hồi nợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài liệu do bên cho vay, bên thu hồi nợ xuất trình theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm báo cáo về tình hình thực hiện cho vay, thu hồi nợ của bên cho vay, bên thu hồi nợ.

4. Trường hợp thay đổi ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản:

a) Bên cho vay, bên thu hồi nợ mở tài khoản thanh toán cho mục đích cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản khác và yêu cầu ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản hiện tại xác nhận tình hình giải ngân, thu hồi nợ nước ngoài (gốc, lãi và phí) liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài;

b) Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản mới chỉ tiếp tục cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài sau khi

nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc xác nhận đăng ký thay đổi ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản (nếu khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký) và xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản ban đầu trong đó bao gồm các nội dung:

Tình hình giải ngân, thu hồi nợ nước ngoài (gốc, lãi và phí) liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài quy định tại điểm a khoản này;

Xác nhận bên cho vay, bên thu hồi nợ nước ngoài đã đóng tài khoản tại ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản ban đầu.

5. Việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành về mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 8. Chế độ báo cáo

Bên cho vay, bên thu hồi nợ nước ngoài và ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Cho vay ra nước ngoài hợp vốn

1. Khi tham gia cho vay ra nước ngoài hợp vốn cho người không cư trú, bên cho vay ra nước ngoài phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật về cấp tín dụng hợp vốn.

2. Trường hợp có 01 (một) bên cho vay tham gia với các bên cho vay khác là người không cư trú để thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài hợp vốn, bên cho vay thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước, báo cáo theo quy định tại Thông tư này đối với phần tham gia cho vay ra nước ngoài hợp vốn.

3. Trường hợp có từ 02 (hai) bên cho vay tham gia thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài hợp vốn, các bên cho vay thực hiện như sau:

a) Trường hợp cho vay ra nước ngoài hợp vốn trong đó có ủy quyền cho 01 thành viên hợp vốn làm đại diện thực hiện việc giải ngân, thu hồi nợ, thành viên

hợp vốn đó thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, mở tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này và báo cáo Ngân hàng Nhà nước;

b) Trường hợp cho vay ra nước ngoài hợp vốn trong đó không ủy quyền cho 01 thành viên hợp vốn làm đại diện thực hiện việc giải ngân, thu hồi nợ, các bên cho vay lựa chọn:

(i) Ủy quyền bằng văn bản cho 01 thành viên hợp vốn thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này. Mỗi thành viên hợp vốn mở tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này đối với phần tham gia cho vay của mình; hoặc

(ii) Mỗi thành viên hợp vốn thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, mở tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước đối với phần tham gia cho vay của mình.

Điều 10. Bên vay nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng chỉ được cho vay đối với các bên vay nước ngoài sau:

a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động ở nước ngoài có vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức: thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó;

b) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động ở nước ngoài do doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% cổ phần, phần vốn góp;

c) Tổ chức tài chính nước ngoài đang có quan hệ đại lý thanh, quyết toán với bên cho vay và khoản cho vay nhằm mục đích thực hiện cam kết thanh, quyết toán trên lãnh thổ Việt Nam theo thỏa thuận giữa các bên;

d) Chính phủ, cơ quan đại diện Chính phủ của quốc gia có quan hệ ngoại giao với Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ và các tổ chức được Nhà nước, Chính phủ ủy quyền đã được Chính phủ quyết định.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay với các bên vay nước ngoài quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này. Việc cho vay với đối tượng bên vay nước ngoài quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này phải bảo đảm vốn vay được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ nợ với người cư trú tại Việt Nam (bên thụ hưởng).

Điều 11. Tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng

1. Khi cho vay ra nước ngoài, bên cho vay phải bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng (bên vay nước ngoài) theo quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn Luật Các Tổ chức tín dụng.

2. Trường hợp khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký, Ngân hàng Nhà nước xem xét việc bên cho vay tuân thủ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng trong giai đoạn 03 tháng gần nhất trước ngày ký thỏa thuận cho vay ra nước ngoài, thỏa thuận tăng giá trị khoản cho vay ra nước ngoài đến cuối tháng gần nhất trước thời điểm gửi đầy đủ hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp giai đoạn xem xét tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại khoản 2 Điều này không trùng với kỳ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê, Ngân hàng Nhà nước xem xét việc bên cho vay tuân thủ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng căn cứ vào báo cáo tại kỳ báo cáo gần nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê.

Điều 12. Đồng tiền cho vay ra nước ngoài

1. Việc giải ngân, thu hồi nợ của khoản cho vay ra nước ngoài được thực hiện bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ theo thỏa thuận giữa các bên.

2. Việc cho vay ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bên vay nước ngoài có nguồn thu bằng đồng Việt Nam hoặc bên vay nước ngoài mua đồng Việt Nam tại tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để trả nợ vay;

b) Bên vay nước ngoài là đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Điều 13. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này theo một trong ba cách thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nếu có).

Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, trả kết quả, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định.

4. Các tài liệu trong hồ sơ giấy thực hiện như sau:

a) Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài phải là bản gốc hoặc bản chính;

b) Thỏa thuận, văn bản do bên cho vay ký kết hoặc ban hành là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của bên cho vay về việc sao từ bản chính;

c) Các tài liệu khác trong thành phần hồ sơ là bản gốc, bản chính, bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực.

5. Hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp thỏa thuận, văn bản do bên cho vay ký kết hoặc ban hành, bên cho vay được tự dịch và xác nhận, chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch.

6. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ để tiếp nhận cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ theo các hình thức nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Ngân hàng Nhà nước trả kết quả xử lý thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này qua trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 14. Nghĩa vụ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

Bên cho vay phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước các khoản cho vay ra nước ngoài sau:

1. Khoản cho vay ra nước ngoài có thời hạn cho vay trên 180 ngày tính từ ngày giải ngân khoản cho vay lần đầu đến ngày dự kiến thu hồi toàn bộ khoản cho vay theo thỏa thuận cho vay hoặc thỏa thuận gia hạn khoản cho vay.

2. Khoản cho vay ra nước ngoài có thời hạn cho vay theo thỏa thuận không vượt quá 180 ngày nhưng thực tế bị quá hạn thanh toán từ 90 ngày trở lên kể từ thời điểm tròn 180 ngày tính từ ngày giải ngân khoản cho vay lần đầu.

Điều 15. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Điều 16 Thông tư này tới Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn:

a) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay, thỏa thuận gia hạn khoản cho vay đối với khoản cho vay ra nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này;

b) 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm 90 ngày quá hạn thanh toán đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên cho vay bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 ngày kể từ ngày yêu cầu, nếu Bên cho vay không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

1. Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Báo cáo về khoản cho vay ra nước ngoài gồm các nội dung chủ yếu sau: bên vay nước ngoài; mục đích sử dụng vốn vay của bên vay nước ngoài; sự phù hợp về trị giá khoản cho vay với quy mô của phương án sử dụng vốn vay; nguồn

vốn ngoại tệ cho vay (áp dụng đối với khoản cho vay bằng ngoại tệ); các biện pháp phòng ngừa rủi ro liên quan; đánh giá tính khả thi của khoản cho vay; khả năng thu hồi vốn; tình hình giải ngân, thu hồi nợ (áp dụng đối với khoản cho vay quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này).

3. Báo cáo việc đáp ứng các quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

4. Tài liệu về bên vay nước ngoài bao gồm:

a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của bên vay nước ngoài hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương theo quy định của nước sở tại chứng minh bên vay nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Thỏa thuận quan hệ đại lý thanh, quyết toán với bên cho vay của bên vay nước ngoài quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

5. Thỏa thuận cho vay, thỏa thuận gia hạn khoản cho vay ra nước ngoài đã ký (nếu có).

6. Văn bản ủy quyền (nếu có) của các thành viên hợp vốn cho một bên cho vay thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (áp dụng đối với khoản cho vay ra nước ngoài hợp vốn).

Điều 17. Nghĩa vụ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay có trách nhiệm đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp thay đổi các nội dung đã được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài bao gồm:

a) Thay đổi số tiền cho vay;

b) Thay đổi thời hạn cho vay;

c) Thay đổi kế hoạch giải ngân;

d) Thay đổi kế hoạch thu hồi nợ gốc do các bên có thỏa thuận về thay đổi kế hoạch thu hồi nợ gốc, trừ trường hợp thu hồi nợ cho vay ra nước ngoài thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc do bên bảo lãnh trả thay theo thỏa thuận các bên về biện pháp bảo đảm của khoản cho vay ra nước ngoài và thông tin về bên bảo đảm, bên bảo lãnh đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận;

đ) Thay đổi biện pháp bảo đảm, bên bảo đảm, bên bảo lãnh của khoản cho vay ra nước ngoài;

e) Bổ sung, thay đổi bên trả nợ là người không cư trú không phải bên bảo đảm, bên bảo lãnh của khoản cho vay;

g) Thay đổi bên vay do có sự chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên;

h) Thay đổi bên cho vay do phát sinh việc mua, bán khoản cho vay theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

i) Thay đổi chấm dứt khoản cho vay ra nước ngoài do bên cho vay bán toàn bộ khoản cho vay ra nước ngoài cho người không cư trú;

k) Thay đổi ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

2. Trường hợp phát sinh các nội dung thay đổi ngoài các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, bên cho vay không phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài nhưng phải báo cáo nội dung thay đổi, thời điểm diễn ra nội dung thay đổi tại báo cáo thuyết minh gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 18. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay có trách nhiệm gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài tới Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn:

a) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi; hoặc

b) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên cho vay nhận được thông báo từ tổ chức kế thừa nghĩa vụ trả nợ của bên vay về việc hoàn tất việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập bên vay nước ngoài; hoặc

c) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên cho vay hoàn thành việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc ngày ký thỏa thuận ghi nhận việc bán khoản cho vay ra nước ngoài cho bên cho vay khác theo quy định của pháp luật; hoặc

d) Trước thời điểm diễn ra nội dung thay đổi đối với trường hợp nội dung thay đổi không cần ký thỏa thuận thay đổi.

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên cho vay bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại

từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 ngày kể từ ngày yêu cầu, nếu Bên cho vay không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức bộ phận một cửa thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.

Điều 19. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay

1. Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Thỏa thuận cho vay thay đổi. Trường hợp nội dung thay đổi không cần ký thỏa thuận cho vay thay đổi nhưng vẫn bảo đảm phù hợp với thỏa thuận cho vay ban đầu, bên cho vay có văn bản giải trình rõ nội dung này trong hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay.

3. Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư này trong trường hợp thay đổi bên vay nước ngoài do có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

4. Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 16 Thông tư này trong trường hợp tăng số tiền cho vay.

5. Văn bản xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản nơi bên cho vay mở tài khoản cho vay ra nước ngoài về tình hình thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài (áp dụng với bên cho vay thuộc trường hợp phải mở tài khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Điều 7 Thông tư này), trong đó thể hiện các nội dung: số tiền đã giải ngân, thu hồi nợ; thời gian giải ngân, thu hồi nợ; thông tin tham chiếu thỏa thuận cho vay và bên vay nước ngoài.

Điều 20. Cơ sở xem xét xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi

Ngân hàng Nhà nước xem xét xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài trên cơ sở:

1. Chính sách quản lý ngoại hối của nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay.

3. Việc bên cho vay tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các quy định về cho vay ra nước ngoài tại Thông tư này.

4. Ý kiến của các cơ quan có liên quan đối với khoản cho vay ra nước ngoài của bên cho vay trong trường hợp cần thiết.

Điều 21. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi

Ngân hàng Nhà nước là cơ quan thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.

Điều 22. Chuyển tiền thực hiện giải ngân và thu hồi nợ từ khoản cho vay ra nước ngoài

Trường hợp khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này, mọi giao dịch chuyển tiền giải ngân, thu hồi nợ liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài chỉ được thực hiện sau khi bên cho vay đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 23. Trách nhiệm của Bên cho vay và Bên thu hồi nợ

1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài có liên quan.

2. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các tài liệu, chứng từ đã xuất trình.

Điều 24. Trách nhiệm của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

1. Thực hiện việc cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản cho các giao dịch liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài trên cơ sở:

a) Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (trong trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi);

b) Thỏa thuận cho vay, thỏa thuận cho vay thay đổi, thỏa thuận cấp tín dụng thông qua các nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác trong đó có nội dung về thu hồi nợ nước ngoài và các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài;

c) Chứng từ chứng minh việc bên thu hồi nợ đã thực hiện các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ các nghiệp vụ bao thanh toán, thư tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và nghiệp vụ cấp tín dụng khác;

d) Hồ sơ, tài liệu khác theo quy định nội bộ của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

2. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu tính khớp đúng của các đề nghị chuyển tiền (giải ngân, thu hồi nợ) với các tài liệu do bên cho vay, bên thu hồi nợ và các bên liên quan xuất trình để bảo đảm các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ nước ngoài phù hợp với văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi (trong trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài phải đăng ký, đăng ký thay đổi), thỏa thuận cho vay, thỏa thuận cấp tín dụng và các thỏa thuận khác có liên quan, tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối.

3. Cung cấp văn bản xác nhận tình hình thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài của bên cho vay được quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư này theo yêu cầu của bên cho vay hoặc khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Cục Quản lý Ngoại hối:

a) Tiếp nhận, lấy ý kiến các đơn vị, cơ quan liên quan (nếu cần thiết), tổng hợp và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài trong trường hợp tăng số tiền cho vay và kéo dài thời hạn cho vay; xem xét, quyết định việc xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài đối với các trường hợp còn lại;

b) Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về quản lý cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài phục vụ công tác xây dựng, điều hành chính sách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ;

c) Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình thực hiện việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ nước ngoài theo quy định tại Thông tư này;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề khác liên quan đến việc cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cục Quản lý Ngoại hối về việc tham gia ý kiến đối với khoản cho vay ra nước ngoài, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản gửi Cục Quản lý Ngoại

hỏi về việc bên cho vay tuân thủ quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này.

3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan khác:

Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Cục Quản lý Ngoại hối xử lý những vấn đề chung liên quan việc cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật theo đề nghị của Cục Quản lý Ngoại hối.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 45/2011/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng;

b) Thông tư số 13/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2011/TT-NHNN quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng;

c) Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 27. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi (nếu có) trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi (nếu có) của Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp thay đổi các nội dung đã được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài sau ngày

Thông tư này có hiệu lực, việc đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp bên cho vay đã nộp hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài đầy đủ, hợp lệ theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục xem xét xác nhận hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 45/2011/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2016/TT-NHNN. *f*

Nơi nhận:

- Như Điều 27;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Công Thông tin Điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC, QLNH (05).



Phạm Thanh Hà

